

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mẫu thẻ bảo hiểm y tế

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 94/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Căn cứ Nghị định 116/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-TC ngày 14 tháng 8 năm 2009 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Cấp sổ, thẻ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành quy định về mẫu thẻ bảo hiểm y tế, sử dụng thống nhất trong phạm vi cả nước.

Điều 2. Phôi thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) có kích thước, chất liệu và hình thức như sau:

1. Kích thước: có chiều dài 98 mm, rộng 66 mm, theo khung viền mép ngoài của thẻ (đủ để in 08 phôi thẻ BHYT trên 01 trang, khổ giấy A4).

2. Chất liệu: sử dụng giấy trắng định lượng 200g/m², đảm bảo độ bền, độ bóng và in được ảnh của người tham gia BHYT.

3. Hình thức: nền màu trắng, ở giữa in mờ biểu tượng Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam màu xanh cô ban với những vòng tròn xung quanh lan tỏa, màu sắc giảm dần, khoảng cách từ tâm biểu tượng BHXH Việt Nam đến vòng tròn ngoài cùng là 12 mm; bên ngoài có khung viền nét đôi màu xanh cô ban.

3.1. Mặt trước:

3.1.1. Tiếp giáp với lề trái của thẻ BHYT:

- Trên cùng in biểu tượng BHXH Việt Nam màu xanh cô ban, đường kính 10 mm, có sử dụng chất liệu phản quang chống giả.
- Tiếp dưới là vị trí để dán hoặc in ảnh của người tham gia BHYT.
- Dưới cùng là vị trí để in mã vạch.

3.1.2. Tiếp giáp với lề phải của thẻ BHYT:

- Trên cùng có dòng chữ "BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM" có đường kẻ chân màu xanh cô ban, font .VNtimeH đậm cỡ chữ 10.
- Tiếp dưới là dòng chữ "THẺ BẢO HIỂM Y TẾ" màu đỏ, font .VNtimeH đậm cỡ chữ 12.
- Dọc theo đường viền mép phải của thẻ BHYT in "số serial" của phôi thẻ BHYT màu đỏ, font .VNtime, cỡ chữ từ 10 đến 12, gồm 10 ký tự, trong đó: 02 ký tự đầu bằng số (từ 01 đến 99) phù hợp với mã tỉnh quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, riêng 02 ký tự đầu của phôi thẻ BHYT do BHXH Bộ Quốc phòng phát hành là 97, BHXH Công an nhân dân phát hành là 98, BHXH Ban Cơ yếu Chính phủ phát hành là 99. 08 ký tự tiếp theo bằng số (theo số tự nhiên từ 00000001 đến 99999999).

- Dấu phiên hiệu của BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là BHXH tỉnh) được in sẵn trên phôi thẻ BHYT, đường kính 21 mm màu đỏ, có sử dụng chất liệu phản quang chống giả. Vị trí từ mép trong khung viền bên phải của thẻ đến mép ngoài của dấu là 28 mm, từ mép trong khung viền bên dưới của thẻ đến mép ngoài của dấu là 2 mm.

3.2. Mặt sau:

- Trên cùng in dòng chữ "NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý" màu đen, font .VntimeH, cỡ chữ 12.

- Tiếp dưới in các dòng chữ màu đen, font .Vntime, nghiêng, cỡ chữ 10, với nội dung như sau:

"1. Thẻ BHYT là căn cứ để xác định người đứng tên trên thẻ được hưởng các quyền lợi về BHYT.

2. Mỗi người tham gia BHYT được cấp một thẻ và một mã số không thay đổi trong suốt thời gian tham gia bảo hiểm y tế.

3. Khi khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình thẻ bảo hiểm y tế có ảnh, nếu chưa có ảnh phải xuất trình cùng với giấy tờ tùy thân có ảnh. Riêng trẻ em dưới 6 tuổi chỉ xuất trình thẻ bảo hiểm y tế.

4. Bảo quản cẩn thận, không cho người khác mượn thẻ và cần nhớ mã số trên thẻ BHYT.

5. Trường hợp để mất hoặc hỏng, khi cấp lại hoặc đổi thẻ phải nộp phí theo quy định."

Điều 3. Thông tin in trên phôi thẻ BHYT khi phát hành cho người sử dụng gồm:

1. Tiêu thức quản lý người tham gia BHYT.

1.1. Mã số thẻ BHYT: ghi mã thẻ của người tham gia BHYT cấp theo quy định hiện hành của BHXH Việt Nam.

1.2. Họ và tên: ghi họ và tên người được cấp thẻ BHYT bằng chữ in hoa, theo danh sách đăng ký tham gia BHYT.

1.3. Giới tính: ghi nam hoặc nữ theo danh sách đăng ký tham gia BHYT.

1.4. Ngày sinh: ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của người tham gia BHYT (theo hồ sơ quản lý thu BHXH, BHYT). Riêng đối với những người tham gia BHYT không có ngày, tháng sinh thì chỉ ghi năm sinh.

1.5. Địa chỉ: ghi địa chỉ nơi cư trú (thường trú, tạm trú) hoặc địa chỉ đơn vị tham gia bảo hiểm y tế. Đối với trẻ em dưới 06 tuổi ghi địa chỉ của mẹ hoặc cha hoặc người giám hộ.

1.6. Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu: ghi tên cơ sở khám chữa bệnh ban đầu do người tham gia bảo hiểm y tế đăng ký và mã cơ sở khám, chữa bệnh đó.

1.7. Thời hạn sử dụng: ghi thời hạn sử dụng từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm.

1.8. Thời điểm bắt đầu hưởng quyền lợi về dịch vụ kỹ thuật cao, chi phí lớn hoặc thời điểm hưởng quyền lợi về thuốc điều trị ung thư, thuốc chống thải ghép (ngoài danh mục quy định của Bộ Y tế nhưng đã được phép lưu hành tại Việt Nam theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh), viết tắt là "Hưởng DVCPC": ghi "mức ... từ ngày .../.../...", trong đó:

- Ký hiệu "mức 1 từ ngày .../.../...": là thời điểm bắt đầu hưởng quyền lợi về dịch vụ kỹ thuật cao, chi phí lớn đối với đối tượng tự nguyện tham gia BHYT liên tục từ đủ 180 ngày trở lên; các đối tượng khác thì để trống không ghi.

- Ký hiệu "mức 2 từ ngày .../.../...": là thời điểm bắt đầu hưởng quyền lợi về thuốc điều trị ung thư, thuốc chống thải ghép đối với người tham gia BHYT liên tục từ đủ 36 tháng trở lên (ngày đầu tiên của tháng thứ 37). Riêng trẻ em dưới 6 tuổi thời điểm bắt đầu hưởng ghi từ ngày bắt đầu tham gia BHYT; các đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ quản lý được hưởng chế độ khám bệnh, chữa bệnh miễn phí theo quy định nay nghỉ hưu, chuyển ngành đang tham gia BHYT, thời điểm bắt đầu hưởng ghi từ ngày nghỉ hưu, chuyển ngành.

Riêng trẻ em dưới 6 tuổi, ngoài các tiêu thức trên, thêm tiêu thức "Cha (mẹ)": để ghi họ và tên cha hoặc mẹ của trẻ em. Trường hợp không có cha, mẹ thì ghi họ và tên người giám hộ.

2. Vị trí để dán ảnh: có khung trống, nét đơn màu đen kích thước 20mm x 30mm. Riêng trẻ em dưới 6 tuổi không cần có ảnh, vì vậy các thông tin về trẻ em dưới 6 tuổi được đẩy sang lề trái (nơi in hoặc dán ảnh) cho cân đối với phôi thẻ BHYT.

3. Vị trí in mã vạch: mã vạch in trên thẻ BHYT là mã vạch hai chiều, chứa các thông tin trên thẻ và chuỗi ký tự kiểm tra, được in vào khoảng trống tiếp giáp với lề trái của thẻ BHYT và ở dưới vị trí để in hoặc dán ảnh của người tham gia BHYT.

Điều 4. Trung tâm Thông tin Bảo hiểm xã hội Việt Nam căn cứ nội dung quy định tại Điều 3 Quyết định này, để điều chỉnh phần mềm phù hợp với tiêu thức in thẻ BHYT và yêu cầu quản lý.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, thay thế các Quyết định số 653/QĐ-BHXH ngày 05 tháng 6 năm 2009, Quyết định số 1754/QĐ-BHXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, bãi bỏ các văn bản do BHXH Việt Nam ban hành trước đây trái với Quyết định này.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp:

1. Mẫu phôi thẻ BHYT theo quy định tại Quyết định số 653/QĐ-BHXH của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam còn tồn kho đến thời điểm 31/12/2013 được tiếp tục sử dụng phát hành thẻ BHYT cho các đối tượng tham gia BHYT.

2. Thẻ BHYT cấp trước thời điểm có hiệu lực của Quyết định này có giá trị sử dụng cho đến hết thời hạn sử dụng ghi trên thẻ BHYT.

Điều 7. Trưởng Ban Cấp sổ, thẻ, Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Công an nhân dân, Ban Cơ yếu Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Các Bộ: YT, LĐ-T&XH, TC, NV;
- HQQL - BHXH VN;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Tổng Giám đốc;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Lưu: VT, CST (08b).

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Bạch Hồng